**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**(Ban hành theo Quyết định số: 1262/QĐ-ĐHYD-ĐT ngày 20.5.2016)**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên học phần:
 | **CHĂM SÓC SỨC KHỎE** **NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI-NGOẠI KHOA 2**  |
| * Mã học phần:
 | 61063043 |
| * Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:
 | ☑ Kiến thức chuyên ngành |
| * Số tín chỉ:
 | 4 tín chỉ (4 lý thuyết + 0 thực hành) |
| + Số tiết lý thuyết/ số buổi: | 60 tiết lý thuyết (16 buổi) |
| + Số giờ tự học | 120 giờ |
| + Số tiết thực hành/ số buổi: | 0 tiết thực hành  |
| * Học phần tiên quyết:
 | Giải phẫu học, Sinh lý, Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2, Bệnh học nội-ngoại khoa |
| * Học phần song hành:
 |  |

**1.Mô tả học phần:**

Học phần này cung cấp kiến thức cho sinh viên về việc chăm sóc toàn diện và hiệu quả nhằm phục hồi, duy trì, nâng cao sức khỏe cho người bệnh thuộc các bệnh lý chuyên khoa Tim mạch, Thận-Tiết niệu, Nội tiết. Học phần này giúp sinh viên nắm bắt được các dữ kiện dựa trên các nhu cầu sức khỏe của người bệnh, nhận định, phân tích và đưa ra chẩn đoán, lập kế hoạch và dự định thực hiện các can thiệp điều dưỡng một cách chính xác dựa trên bằng chứng. Bên cạnh đó sinh viên có khả năng phát triển kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh/người thân một cách tổng quát theo từng bệnh lý chuyên khoa.

**2.** **Nguồn học liệu**

**Giáo trình:**

[1]. Bộ môn Điều dưỡng - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2019). *Giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa*. Lưu hành nội bộ.

[2]. Bộ môn Điều dưỡng - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2019). *Giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa*. [Lưu hành nội bộ].

 **Tài liệu khác :**

[1]. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2012). *Bài giảng bệnh học nội khoa.* Nhà xuất bản Y học.

[2]. Đại học Y Dược TP. HCM - Bộ môn ngoại (2009). *Bệnh học tiết niệu*. Nhà xuất bản Y học – Hà Nội

[3]. Trần Văn Sáng, Trần Ngọc Sinh (2011). *Bài giảng bệnh học niệu khoa*. Nhà xuất bản Phương Đông

[4]. Tạp chí tim mạch học Viêt Nam: http://tapchi.vnha.org.vn

[5]. Alan J. W, Louis R.K, Alan W.P & Craig A.P, (2016). *Campbell-Walsh Urology, 11th Edition*. Elsevier

[6]. American Heart Association: http://www.heart.org

[7]. American Diabetes Association: <http://www.diabetes.org/>

[8]. Janice L. H., & Kerry H. C, (2018). Brunner & Suddarth's Textbook of Medical-Surgical Nursing (14th ed). Wolters Kluwer: Lippincott Williams & Wilkins

[9]. Lewis, S.L, Dirksen, S.R., Heitkemper, M.M, Bucher, L, (2014) Medical-Surgical Nursing: Assessment and Management of Clinical Problems, 9th edition.  Elsevier-Mosby.

[10]. Smith J.E , Howards S.S , Preminger G.M, Dmochowski R.R, (2016). *Hinman’s Atlas of Urologic Surgery, 4th Edition*. Elsevier

**3. Mục tiêu học phần lý thuyết**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | Giải thích cơ chế sinh lý, sinh lý bệnh của bệnh lý Tim mạch, Thận-Tiết niệu, Nội tiết | C2, C3, C4, C12, C13, C17 |
| MT2 | Phân biệt các dấu hiệu, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, của những bệnh lý Tim mạch, Thận-Tiết niệu, Nội tiết | C3, C4, C12, C13, C17 |
| MT3 | Giải thích cách sử dụng thuốc cho bệnh lý Tim mạch, Thận-Tiết niệu, Nội tiết | C2, C3,C4,C12, C13,C17 |
| MT4 | Tổng hợp các dấu hiệu chủ quan và khách quan trong nhận định điều dưỡng, đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng theo tình huống. | C2, C3, C4, C12, C13,C17,C18 |
| MT5 | Lập kế hoạch chăm sóc và kế hoạch giáo dục sức khỏe cho bệnh lý Tim mạch, Thận-Tiết niệu, Nội tiết | C5, C12, C13, C17, C18 |
| MT6 | Hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, ý thức trách nhiệm trong công việc và đạo đức nghề nghiệp trong chăm sóc người bệnh | C1, C15,C16, C17, C18 |

1. **Đánh giá học phần lý thuyết**

Đánh giá học phần, cách tính điểm bộ phận và kết thúc học phần thực hiện theo Quyết định số 456/QĐ-ĐHYD-ĐT ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **MT học phần**  | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Đánh giá thường xuyên | Nội quy, tham gia học tập tích cực  | MT1, MT2, MT3 | 10% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ  | Bài tập nhóm thuyết trình theo chủ đề  | MT1, MT2, MT3, MT4, MT5 | 30% |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | Bài kiểm tra trắc nghiệm | MT1, MT2, MT3, MT4, MT5 | 60% |

Ma trận lượng giá kiến thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **TỈ LỆ %****SỐ CÂU** | **NHỚ**  | **HIỂU** | **ÁP DỤNG** |
| **Mục tiêu 1** | **5%** | 6 |  | 6 |  |  |  |  |
| **Mục tiêu 2** | **5%** | 6 |  | 6 |  |  |  |  |
| **Mục tiêu 3** | **5%** | 6 |  | 6 |  |  |  |  |
| **Mục tiêu 4** | **25%** | 30 |  | 6 |  | 18 |  | 6 |
| **Mục tiêu 5** | **60%** | 72 |  | 24 |  | 36 |  | 12 |
| **Tổng cộng** | **100%** | **120** |  | **48** |  | **54** |  | **18** |

* Sinh viên đủ điều kiện dự thi cuối kỳ khi không vắng quá 20% tổng số tiết của môn học và hoàn thành các bài đánh giá giữa kỳ
* Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần được tính bằng tổng các điểm đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ (A1 + A2 + A3 = 100% )
* Điểm đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ là bắt buộc cho mọi đối tượng.
* Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sinh viên được đánh giá:

+ Đạt khi điểm tổng kết học phần > 4.0

+ Không đạt nếu < 4,0

**5. Nội dung giảng dạy lý thuyết**

| **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1. **Chăm sóc sức khỏe người bệnh chuyên khoa tim mạch**
 | **23** | **46** |  | Bài tập nhóm, bài kiểm tra trắc nghiệm |
| 1.1 * Khai thác bệnh sử và thăm khám tổng quát trong bệnh lý tim mạch.
* Kỹ thuật đo và đọc điện tâm đồ cơ bản
 | 32 | 10 |  |  |
| 1.2 * Chăm sóc sức khỏe người bệnh tăng huyết áp
* Chăm sóc sức khỏe người bệnh van tim
 | 22 | 10 |  |  |
| 1.3 * Chăm sóc sức khỏe người bệnh rối loạn nhịp
 | 4 | 8 |  |  |
| 1.4 * Chăm sóc sức khỏe người bệnh nhồi máu cơ tim cấp
* Chăm sóc người bệnh trước và sau can thiệp mạch vành qua da
 | 23 | 10 |  |  |
| 1.5 * Chăm sóc sức khỏe người bệnh suy tim
* Thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch
 | 23 | 10 |  |  |
| 1. **Chăm sóc sức khỏe người bệnh chuyên khoa Thận-Tiết niệu**
 | **21** | **42** |  | Bài tập nhóm, bài kiểm tra trắc nghiệm |
| 2.1 Đại cương Thận- Tiết niệu* Sinh lý bệnh thận
* Hệ tiết niệu và các vấn đề thường gặp
* Nhận định và thăm khám bệnh lý về Thận- Tiết niệu
 | 4 | 8 |  |  |
| 2.2 * CSSK NB viêm cầu thận cấp/hội chứng thận hư
* CSSK NB viêm đường tiết niệu
 | 4 | 8 |  |  |
| 2.3 * CSSK NB phẫu thuật sỏi thận,sỏi niệu quản,sỏi bàng quang, sỏi niệu đạo)
* CSNB có dẫn lưu tiết niệu
* Các thủ thuật, phẫu thuật hệ tiết niệu
 | 5 | 10 |  |  |
| 2.4 * CSSK NB chấn thương thận-niệu đạo
* CSSK NB u xơ tiền liệt tuyến
 | 4 | 8 |  |  |
| 2.5 * CSSK NB suy thận cấp-suy thận mãn
* CS người bệnh sau mổ ghép thận
 | 4 | 8 |  |  |
| 1. **Chăm sóc người bệnh có rối loạn nội tiết**
 | **16** | **32** |  | Bài tập nhóm, bài kiểm tra trắc nghiệm |
| 3.1 Đại cương hệ nội tiết: * Cấu trúc và chức năng của hệ nội tiết
* Thăm khám hệ nội tiết
 | 4 | 8 |  |  |
| 3.2* CSSK Người bệnh có hội chứng rối loạn hoocmon chống bài niệu
* CSSK Người bệnh có bệnh lý tuyến thượng thận
 | 4 | 8 |  |  |
| 3.3* Quản lý bệnh đái tháo đường và các biến chứng cấp và mạn tính
 | 4 | 8 |  |  |
| 3.4 * CSSK người bệnh có bệnh lý tuyến giáp: suy giáp, cường giáp
* CSSK người bệnh sau phẫu thuật tuyến giáp
 | 4 | 8 |  |  |
| **Tổng** | **60** | **120** |  |  |

1. **Quy định của học phần:**
* Sinh viên tham dự lý thuyết và thực hành bệnh viện nghiêm túc và đúng giờ. Tuân thủ các nội quy và quy định của Trường và bệnh viện trong chăm sóc người bệnh.
* Sinh viên vắng mặt quá 20% tổng số tiết học lý thuyết sẽ không được tham dự kiểm tra đánh giá giữa kỳ. Sinh viên không tham gia bài đánh giá giữa kỳ sẽ không được đánh giá cuối kỳ.
* Sinh viên phải hoàn thành đủ 100% tổng số bài tập thực hành được giao và nộp đúng thời hạn. Không hoàn thành phần nào thì phần đó bị đánh giá là không điểm (0 đ)
* Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi lần một và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).
* Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

**7. Phụ trách học phần:**

* Khoa/ Bộ môn: Khoa Điều Dưỡng – Kỹ thuật Y học Tp.HCM/ Bộ môn Điều Dưỡng – Phân môn Nội
* Địa chỉ liên hệ: 201 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, Tp.HCM
* Điện thoại liên hệ: (08) 38570760